

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HS-ST  
Ngày: 11-6-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn C, sinh năm 1973, tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú hiện nay: Khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, không rõ năm sinh (đã chết) và bà Huỳnh Thị R không rõ năm sinh (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H1, sinh năm 1968 (đã chết), bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/02/2020 cho đến nay. Có mặt.

**- Bị hại:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981; HKTT: Khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Ông Nguyễn Chính Q, sinh năm 1967; HKTT: Khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

+ Ông Phan Văn N, sinh năm 1965; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Lê Văn Q1, sinh năm 1987; HKTT: Ấp X1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Lê Văn Trà X (tên gọi khác là K1), sinh năm 1977; HKTT: Ấp S, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; HKTT: Khu phố F, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 06/8/2019, Lê Văn C đang ở nhà tại khu phố B1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương thì nhìn thấy một đàn bò gồm 07 (bảy) con của ông Nguyễn Văn H đang ăn cỏ tại bãi cỏ phía trước nhà và không có người trông coi nên C nảy sinh ý định trộm cắp bò để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, C đến chỗ đàn bò đang ăn cỏ, C lừa 01 (một) con bò giống cái, có lông màu vàng vào trong hàng rào nhà của C và đóng cổng lại, sau đó C dùng dây dù cột, giấu con bò này ở phía sau khuôn viên nhà.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 10/8/2019, C gọi điện thoại cho ông Phan Văn N trao đổi về việc mua bán bò. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông N đến nhà C xem bò. Sau khi nghe C nói con bò trên là của C và cần bán nên ông N đồng ý mua với giá 10.000.000 đồng. Ông N trả đủ tiền cho C và dùng xe ô tô chở bò về nhốt tại chuồng bò thuộc ấp X1, xã T, huyện D. Số tiền có được từ việc bán bò, C sử dụng 2.800.000 đồng mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu sơn: đen – vàng, biển số: 61V2-2640 của ông Nguyễn Chính Q, số tiền còn lại C dùng để tiêu xài cá nhân.

Sau khi mua bò, ông N gọi điện thoại cho ông Lê Văn Q1 nhờ ông Q1 bán con bò trên với giá 13.000.000 đồng, ông Q1 đồng ý. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 10/8/2019, ông Q1 gọi điện thoại cho ông Lê Văn Trà X trao đổi về việc mua bán bò. Sau đó, Ông X đến xem bò và đồng ý mua với giá 13.300.000 đồng, ông X đưa trước 3.300.000 đồng, còn nợ số tiền 10.000.000 đồng và chở bò về nhà. Ông Q1 giữ số tiền 300.000 đồng và đưa cho ông N số tiền 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 11/8/2019, ông X gọi điện thoại cho ông Nguyễn Văn H2 để trao đổi việc mua bán bò. Khoảng 10 giờ 00 phút cùng ngày, ông H2 đến nhà ông X xem và thống nhất mua con bò trên với giá 15.000.000 đồng nhưng ông H2 chưa trả tiền. Sau khi chở con bò về nhà, ông H2 quan sát và thấy có nhiều đặc điểm giống con bò của ông H bị mất trộm vào ngày 06/8/2019 nên ông H2 gọi điện thoại cho ông H đến xem, ông H xác định đúng là bò của mình bị mất trộm ngày 06/8/2019.

Ngày 12/8/2019, ông H đến Công an thị trấn D trình báo về việc bị mất trộm bò. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng giải quyết.

Kết luận định giá tài sản số 31/KLĐG ngày 11/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện D kết luận: Giá trị 01 (một) con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm, vào ngày 06/8/2019 là: 16.250.000 đồng (mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Công an huyện Dầu Tiếng tạm giữ các vật chứng gồm:

- Tạm giữ của của Lê Văn C:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu sơn: đen – vàng, biển số: 61V2-2640, số máy: 050691, số khung: 050691.

+ 01 (một) điện thoại di động, hiệu NOKIA, màu đỏ - đen, model 105, kèm theo 01 (một) sim số thuê bao: 0399382953;

+ Tiền Việt Nam: 1.329.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng);

- Tạm giữ của ông Nguyễn Chính Q tiền Việt Nam là 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng);

- Tạm giữ của ông Lê Văn Q1 tiền Việt Nam là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng);

- Tạm giữ của ông Phan Văn N tiền Việt Nam là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

- Tạm giao 01 (một) con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm giao cho ông Nguyễn Văn H quản lý, chăm sóc (theo biên bản bàn giao quản lý vật chứng ngày 13/8/2019).

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSĐT-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 04 tháng đến 06 tháng tù;

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn H yêu cầu Lê Văn C bồi thường cho ông H số tiền 1.500.000 đồng tiền công trả cho những người chăm sóc bò trong thời gian bị mất, C đồng ý bồi thường số tiền trên. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm. Quá trình điều tra xác định, con bò trên là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn H nên đã giao cho ông H.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu sơn: đen – vàng, biển số: 61V2-2640, số máy: 050691, số khung: 050691. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên do ông Nguyễn Văn Phương, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp Đ1, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ sở hữu, ông Phương đã bán xe mô tô trên cho ông Nguyễn Chính Q. Vì vậy, đây là tài sản hợp pháp của ông Q. Ông Q không biết C sử dụng tiền thu lợi bất chính từ việc bán bò để mua xe mô tô trên. Ngày 03/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe mô tô trên cho ông Q.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, hiệu NOKIA, màu đỏ - đen, model 105, kèm theo 01 (một) sim số thuê bao: 0399382953. Quá trình điều tra xác định, điện thoại và sim trên là tài sản cá nhân của C, không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho C.

Đối với số tiền 4.129.000 đồng (trong đó: 1.329.000 đồng tạm giữ của Lê Văn C và 2.800.000 đồng tạm giữ của ông Nguyễn Chính Q). Quá trình điều tra xác định, đây là số tiền của ông Phan Văn N dùng để mua bò của Lê Văn C. Ông N không biết con bò trên do C phạm tội mà có. Ngày 03/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho ông N số tiền trên.

Đối với số tiền 3.300.000 đồng (trong đó: 300.000 đồng thu giữ của ông Lê Văn Q1 và 3.000.000 đồng thu giữ của ông Phan Văn N). Quá trình điều tra xác định, đây là số tiền của ông Lê Văn Trà X dùng để mua bò của ông Phan Văn N. Ông X không biết con bò trên do C phạm tội mà có. Ngày 08/4/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho ông X số tiền trên.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Lê Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản truy tố mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Lời nói sau cùng: Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

Bị hại Nguyễn Văn Hùng yêu cầu được nhận lại con bò và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại; về hình phạt: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phan Văn N: Ông Nghĩa đã giao nộp số tiền 3.000.000 đồng tiền nhận từ ông Lê Văn Q1 và nhận lại số tiền 4.129.000 đồng ông Nghĩa dùng để mua bò của bị cáo từ cơ quan điều tra, còn lại số tiền 5.871.000 đồng, ông N không yêu cầu bị cáo C trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn Q1: Ông Quyền đã giao nộp số tiền 300.000 đồng nhận từ ông X (tiền môi giới bán bò cho ông N) cho cơ quan điều tra và không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn Trà X: Ông X đã nhận lại số tiền 3.300.000 đồng ông X dùng để mua bò từ ông Q1 nên không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn H2: Ông H2 đã giao bò cho bị hại ông Nguyễn Văn H và không có yêu cầu gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Q. Xét thấy, ông Q đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của ông Q không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Lê Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, các lời khai thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 06/8/2019, bị cáo Lê Văn C đã trộm của bị hại Nguyễn Văn H 01 con bò cái trị giá 16.250.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc trông coi tài sản, lén lút trộm cắp tài sản của bị hại mục đích là để bán lấy tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo. Hậu quả bị cáo đã trộm cắp của bị hại một con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm trị giá 16.250.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy,

có căn cứ kết luận Cáo trạng số 32/CT-VKSDT-HS ngày 29/4/2020 cũng như phân luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như: Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức còn hạn chế, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Hội đồng xét xử cân nhắc giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về căn cứ quyết định hình phạt: Sau khi xem xét đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xem xét mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, thời gian tạm giam bị cáo từ ngày 14/02/2020 đến khi xét xử sơ thẩm đã đủ sức răn đe đối với hành vi do bị cáo gây ra, bản thân bị cáo sức khỏe bị hạn chế (bị cáo bị mù một mắt, mắt còn lại khả năng nhìn cũng hạn chế, đi đứng khó khăn), tình trạng thể chất của bị cáo không đủ sức khỏe để đi chấp hành án phạt tù thêm. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tù bằng với thời gian tạm giam đối với bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều thừa nhận con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm là của ông Nguyễn Văn H, không có ai tranh chấp nên đây là tài sản hợp pháp của ông H. Tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với các giao dịch mua bán con bò của bị hại giữa bị cáo Lê Văn C với ông Phan Văn N, giữa ông Phan Văn N, Lê Văn Q1 với ông Lê Văn Trà X, giữa ông Lê Văn Trà X với ông Nguyễn Văn H2: Ông N, ông Q1, ông X và ông H2 không biết con bò bị cáo bán là do phạm tội mà có nên không xem xét trách

nhệm hình sự. Tuy nhiên, các giao dịch này đã vi phạm điều cấm của pháp luật do bị cáo C không phải là chủ sở hữu hợp pháp và không có quyền thiết lập các giao dịch dân sự với con bò nói trên. Theo quy định tại Điều 117, 122, 123, 131 Bộ luật Dân sự 2015 thì các giao dịch nói trên đều vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

Đối với giao dịch mua xe giữa bị cáo với ông Nguyễn Chính Q: Bị cáo đã dùng tiền do bị cáo phạm tội mà có để mua xe của ông Q nên giao dịch này cũng vô hiệu do vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 117, 122, 123, 131 Bộ luật Dân sự 2015, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm do ông Nguyễn Văn H đang quản lý (theo biên bản bàn giao quản lý vật chứng ngày 13/8/2020). Đây là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn H nên trả lại cho ông Hùng.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu sơn: đen – vàng, biển số: 61V2-2640, số máy: 050691, số khung: 050691 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Chính Q. Ông Q không biết C sử dụng tiền thu lợi bất chính từ việc bán bò để mua xe mô tô trên. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại tài sản trên cho ông Q (theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 03/4/2020) là phù hợp.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, hiệu NOKIA, màu đỏ - đen, model 105, kèm theo 01 (một) sim số thuê bao: 0399382953. Đây là phương tiện bị cáo Cảnh sử dụng vào việc liên hệ để tiêu thụ tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 4.129.000 đồng (trong đó: 1.329.000 đồng tạm giữ của Lê Văn C và 2.800.000 đồng tạm giữ của ông Nguyễn Chính Q) là số tiền của ông Phan Văn N dùng để mua bò của bị cáo Cảnh. Ông N không biết con bò trên do bị cáo phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho ông N số tiền trên (theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 07/4/2020) là phù hợp. Tại phiên tòa, ông N không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền còn lại là 5.871.000 đồng của số tiền ông N đã giao cho bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền 3.300.000 đồng (trong đó: 300.000 đồng thu giữ của ông Lê Văn Q1 và 3.000.000 đồng thu giữ của ông Phan Văn N) là số tiền của ông Lê Văn Trà X dùng để mua bò của ông Phan Văn N. Ông X không biết con bò trên do C phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại cho ông X số tiền trên (theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 08/4/2020) là phù hợp.

[9] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản áp dụng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về mức hình phạt đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị từ 04 đến 06 tháng tù giam là nghiêm khắc nên không

được chấp nhận. Về vật chứng của vụ án là chiếc điện thoại di động NOKIA, màu đỏ - đen, model 105, kèm theo 01 (một) sim số thuê bao: 0399382953, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả cho bị cáo là chưa phù hợp như đã phân tích ở trên nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 106, 136, 260, 262, 292, 293, 328, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 46, 47, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ các Điều 117, 122, 123, 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội “trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) tháng 28 (hai mươi tám) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/02/2020 đến ngày 11/6/2020 bằng thời gian bị cáo bị tạm giam.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Văn Cảnh tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về hành vi phạm tội khác.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả cho bị hại Nguyễn Văn H 01 (một) con bò có đặc điểm: Giống bò: cái; Cân nặng: 250kg; Chiều cao: 1,3m; Màu lông: vàng; Số vú: 06; Độ dài sừng: 07cm. (Hiện đang do ông Nguyễn Văn H quản lý theo biên bản bàn giao quản lý vật chứng ngày 13/8/2019).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu NOKIA, màu đỏ - đen, model 105 (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận: Đã qua sử dụng, có số Imei: 355127/06/968200/5), 01 (một) sim số thuê bao: 0399382953 (tình trạng vật chứng tại thời điểm giao nhận: trên sim có ghi seri: 8984048000033950673) (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn C phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo:



Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/6/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Tuyên**